

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HS-ST
Ngày 12 tháng 9 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Nhân và ông Võ Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2025, đối với bị cáo:

Đặng Văn M, sinh ngày 28/3/1997, tại tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Xóm T, xã T, tỉnh Phú Thọ; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; con ông Đặng Văn M1, sinh năm 1978 và bà Bàn Thị S, sinh năm 1968; có vợ Triệu Thị L, sinh năm 1995; con có 01 người tên Đặng Thị Minh N, sinh năm 2022; anh, chị em ruột: có 03 người, bị cáo là người thứ nhất; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/11/2024 cho đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực P, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Minh T, sinh năm 1982, là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A; (vắng mặt).

- Bị hại: Bà Bùi Thị B, sinh năm 1950; nơi cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh An Giang (đã chết);

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1950; nơi cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh An

Giang; (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc N1, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Ngọc N2, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh An Giang; (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc N3, sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc N1, ông Nguyễn Ngọc N2, bà Nguyễn Thị Ngọc N3: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1950; nơi cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh An Giang (theo văn bản uỷ quyền ngày 20/11/2024); ông P có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn V, xã B, tỉnh Ninh Bình; (có mặt).

2. Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn V, xã B, tỉnh Ninh Bình; (có mặt).

3. Ông Đặng Văn M1, sinh năm 1978; nơi cư trú: Xóm T, xã T, tỉnh Phú Thọ; (có mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Phạm Duy T1, sinh năm 1991; ông Lê Phú Đ, sinh năm 1994; ông Đỗ Văn H1, sinh năm 1999; ông Phạm Tuấn Vũ E, sinh năm 1999 và ông Nguyễn Thái H2, sinh năm 2003; (tất cả đều vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Văn M cùng với Phạm Duy T1, sinh ngày 15/11/1991; Lê Phú Đ, sinh ngày 02/9/1994 và Đỗ Văn H1, sinh năm 1999, cùng ngụ tỉnh Thanh Hóa và Nguyễn Văn H, sinh năm 1993, ngụ tỉnh Ninh Bình đến khu vực thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang (nay là xã P, tỉnh An Giang) để tiếp thị sữa tại các tiệm tạp hóa. Cả nhóm thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ “Quê Hương” thuộc khóm T, thị trấn P, huyện P (nay là ấp T, xã P). Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 18/11/2024, cả nhóm đi xuống tầng trệt lấy 02 xe ô tô đi ăn, M nói với H cho lái thử xe, H không nói gì và đồng ý cho M điều khiển xe ô tô biển số 90A - 187.59 của H chở H đi trước, T1 điều khiển xe ô tô biển số 61K - 176.53 chở Đ và H1 theo sau, chạy được một đoạn thì xe ô tô của T1 chạy vượt lên phía trước, cách xe Mừng khoảng 30 mét. Khi đến ngã tư giao nhau với đường T, M điều khiển xe rẽ phải và giữ khoảng cách khoảng 20 mét với xe của T1, lúc này gần đến trụ đèn giao thông thì xe ô tô của T1 dừng lại chờ tín hiệu đèn xanh. Thời điểm này, M vẫn tiếp tục điều khiển xe chạy tới thì H phát hiện xe ô tô của T1 đang dừng phía trước và sợ va chạm nên H kêu Mừng đạp phanh (thắng) lại, nhưng chân Mừng không đạp phanh mà

đạp nhầm chân ga, nên tiếp tục chạy tới gần đến đuôi xe của T1. Liên lúc này, M đánh lái sang phải nên va chạm vào xe gắn máy biển số 67AK - 029.12 do bà Bùi Thị B, sinh ngày 01/01/1950, ngụ khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang (nay là ấp T, xã P) điều khiển đang dừng chờ tín hiệu đèn giao thông phía trước bên lề phải, cách đuôi xe của T1 khoảng 02 mét. Khi đó, phần đầu xe ô tô bên phải do M điều khiển va chạm vào thân xe gắn máy và người bà B, xe do M điều khiển tiếp tục chạy về phía trước cho đến vách tường hàng rào của Ủy ban nhân dân huyện P (nay là xã P) thì dừng lại, M xuống xe thấy bà B đang nằm nghiêng bất tỉnh ngay phần đầu xe ô tô, đầu bà B quay hướng xéo vào vách tường hàng rào, chân hướng xéo ra đường Q, xe gắn máy nằm dưới gầm xe ô tô của H, M chạy đến đỡ bà B ngồi dậy, còn H điều khiển cho xe lùi xuống lề đường. Mừng cùng với Đ, H1 đưa bà B lên xe ô tô của T1 chở đến Trung tâm y tế P1 cấp cứu, nhưng do thương tích nặng bà B đã tử vong. Sau đó, M đến Công an đầu thú và trình bày toàn bộ nội dung vụ việc như nêu trên.

Bản Kết luận giám định tử thi số 1615/KL-KTHS ngày 21/11/2024 của Phòng K - Công an tỉnh A, kết luận: Nguyên nhân chết của Bùi Thị B là sốc mất máu cấp do chấn thương ngực kín.

Bản Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG.TTHS ngày 07/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P, kết luận: Trị giá các bộ phận hư hỏng của xe gắn máy biển số 67AK - 029.12 là 3.660.000 đồng.

Bản Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG.TTHS ngày 07/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P, kết luận: Trị giá các bộ phận hư hỏng của xe ô tô biển số 90A - 187.59 là 19.000.000 đồng.

Biên bản khám nghiệm hiện trường và biên bản khám nghiệm phương tiện của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P, ghi nhận phù hợp với nội dung của vụ án.

Cáo trạng số 01/CT-VKSKV12 ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang truy tố bị cáo Đặng Văn M ra trước Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang để xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đặng Văn M khai nhận có thực hiện hành vi đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, bị cáo không tranh luận. Khi nói lời nói sau cùng, bị cáo xin lỗi gia đình bị hại và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên toà là ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Ngọc N2 đều trình bày: Sau khi tai nạn xảy ra, gia đình của bị cáo có đến thăm hỏi và thoả thuận bồi thường xong với số tiền 50.000.000 đồng, đại diện hợp pháp của bị hại đã làm đơn bãi nại đối với bị cáo. Nay ông P và ông N2 xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260, điểm b, điểm s khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 38 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đặng Văn M từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; trả lại cho Đặng Thị Y 01 xe ô tô biển số 90A- 187.59, cùng các giấy tờ liên quan đến xe ô tô biển số 90A-187.59 gồm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax được niêm phong trong phong bì màu trắng có ghi vụ 1689/KL-KTHS ngày 23/01/2025; tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD được niêm phong trong 01 phong bì, có ghi vụ 1689/KL-KTHS; 01 phong bì màu trắng có ghi vụ 1688/KL-KTHS.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn M: Ông Phạm Minh T có gửi văn bản đề nghị hoãn phiên tòa với lý do phải tham gia phiên tòa trong một vụ án khác, không có Văn bản bào chữa cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng

đã thực hiện điều hợp pháp.

[1.2] Đối với những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, những người này đã có lời khai tại cơ quan điều tra, sự vắng mặt của họ không trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí, Trung tâm Trợ giúp pháp lý có cử ông Phạm Minh T là Trợ giúp viên pháp lý để bào chữa cho bị cáo, ông T đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt tại phiên toà. Tuy nhiên, tại phiên toà bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Căn cứ khoản 2 Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đối với vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đặng Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng về thời gian, địa điểm phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, phù hợp với biên bản khám hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Hội đồng xét xử kết luận:

Khoảng 16 giờ 20 ngày 18/11/2024, bị cáo Đặng Văn M đã có hành vi điều khiển xe ô tô biển số 90A - 187.59, khi đến đường giao nhau có tín hiệu đèn đỏ, do xử lý tình huống kém, bị cáo đạp nhầm chân ga nên đã để xe đụng vào xe gắn máy do bà Bùi Thị B điều khiển đang dừng chờ tín hiệu đèn giao thông phía trước bên lề phải, làm bà B tử vong và xe gắn máy của bà B bị hư hỏng, trị giá các bộ phận xe gắn máy bị hư hỏng là 3.660.000 đồng, tai nạn xảy ra là có lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo. Tại thời điểm gây ra tai nạn, bị cáo không có giấy phép lái xe ô tô theo quy định, đã vi phạm quy định tại khoản 9 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ. Hành vi trên đây của bị cáo M đã phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, có khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm tù.

[3] Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Bị cáo Đặng Văn M2 là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được khi điều khiển xe ô tô phải có giấy phép lái xe ô tô theo quy định và phải chấp hành đúng các quy tắc về an toàn giao thông đường bộ nhằm đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khỏe, tài sản cho mình và cho người khác. Tại khoản 9 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ có quy định là nghiêm cấm người điều khiển xe cơ giới mà không có giấy phép lái xe theo quy định. Nhưng với ý thức chấp hành pháp luật kém, bị cáo đã điều khiển xe ô tô trong khi không có giấy phép lái xe ô tô theo quy định.

[3.2] Hành vi trên đây của bị cáo M2 đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây tâm lý hoang mang cho những người tham gia giao thông khi chứng kiến vụ việc tai nạn giao thông xảy ra. Do đó, cần bắt bị cáo phải chịu một hình phạt nhất định tương xứng với tính chất và hành vi của bị cáo đã thực hiện để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo M2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, được người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo là người dân tộc thiểu số và thuộc hộ cận nghèo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên bị cáo được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

[3.5] Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị cáo là người dân tộc thiểu số và thuộc hộ cận nghèo. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[3.6] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, nên không chấp nhận cho bị cáo được hưởng án treo, mà cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự thì *“Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*. Xét thấy, bị cáo thuộc thành phần lao động, không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo có nhân thân tốt, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với ông Nguyễn Văn H là người đang quản lý xe ô tô biển số 90A -

187.59, có hành vi giao xe cho Đặng Văn M điều khiển. Xét thấy, H không biết rõ M không có giấy phép lái xe ô tô theo quy định, nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với H về hành vi “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” quy định tại Điều 264 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[6] Về vật chứng thu giữ trong giai đoạn điều tra, được xử lý như sau:

[6.1] Trong giai đoạn điều tra, cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho người đại diện hợp pháp của bị hại 01 xe mô tô biển số 67AK - 029.12. Nay không ai có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

[6.2] Đối với 01 xe ô tô biển số 90A- 187.59, nhãn hiệu KIA, số loại K3; cùng các giấy tờ liên quan đến xe ô tô nói trên gồm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 90 000120; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số 2720743. Xét, đây là tài sản của bà Đặng Thị Y giao cho ông Nguyễn Văn H (chồng bà Y1) quản lý sử dụng, nên tuyên trả lại cho bà Đặng Thị Y.

[6.3] Đối với 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax được niêm phong trong phong bì màu trắng, bên ngoài có ghi vụ 1689/KL-KTHS ngày 23/01/2025 (Điện thoại gửi đi giám định). Xét, đây là tài sản của bị cáo, không liên quan đến tội phạm, nên trả lại cho bị cáo.

[6.4] Đối với 01 đĩa DVD được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng, bên ngoài có ghi ghi vụ 1689/KL-KTHS (Đĩa DVD kèm theo KLGĐ), có chữ ký, chữ viết của Giáp Thanh T2 và con dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh An Giang; 01 phong bì màu trắng được niêm phong bên ngoài có ghi vụ 1688/KL-KTHS ngày 06/02/2025, có chữ ký, chữ viết của Nguyễn Phước Đ1 và con dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh An Giang. Xét, đây là tài liệu, dữ liệu phục vụ giám định, nên tuyên tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Trong giai đoạn điều tra, người đại diện hợp pháp của bị hại và gia đình bị cáo đã thoả thuận bồi thường thiệt hại xong với số tiền 50.000.000 đồng. Nay không ai yêu cầu gì khác, nên không xem xét giải quyết.

[7.2] Đối với xe ô tô biển số 90A - 187.59 do H điều khiển gây tai nạn, bị hư hỏng. Nay chủ xe là bà Đặng Thị Y và ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Đặng Văn M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn M phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đặng Văn M 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 18/11/2024.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại cho bà Đặng Thị Y: 01 (một) xe ô tô biển số 90A- 187.59, nhãn hiệu KIA, số loại K3, số máy G4FGNE024344, số khung RNYFK46A6NC277979, màu sơn trắng (đã qua sử dụng); 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 90 000120 do Công an huyện B, tỉnh Hà Nam cấp ngày 05/9/2022 và 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 2720743 do Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải tỉnh H cấp ngày 06/9/2022.

- Trả lại cho Đặng Văn M 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng, bên ngoài có ghi vụ 1689/KL-KTHS ngày 23/01/2025, có chữ ký, chữ viết của Giáp Thanh T2 và con dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh An Giang.

- Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án các tài liệu gồm: DVD được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng, bên ngoài có ghi vụ 1689/KL-KTHS (Đĩa DVD kèm theo KLGD), có chữ ký, chữ viết của Giáp Thanh T2 và con dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh An Giang; 01 phong bì màu trắng được niêm phong bên ngoài có ghi vụ 1688/KL-KTHS ngày 06/02/2025, có chữ ký, chữ viết của Nguyễn Phước T3 và con dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh An Giang.

Tất cả các tài liệu, vật chứng nêu trên do Thi hành án dân sự tỉnh An Giang đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/7/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A và Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Đặng Văn M phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND khu vực 12 (1);
- CQTHAHS Công an tỉnh An Giang (2);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh An Giang (1);
- Bộ phận THA Tòa án khu vực 12 (2);
- THADS tỉnh An Giang (2);
- Những người tham gia tố tụng (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Sơn